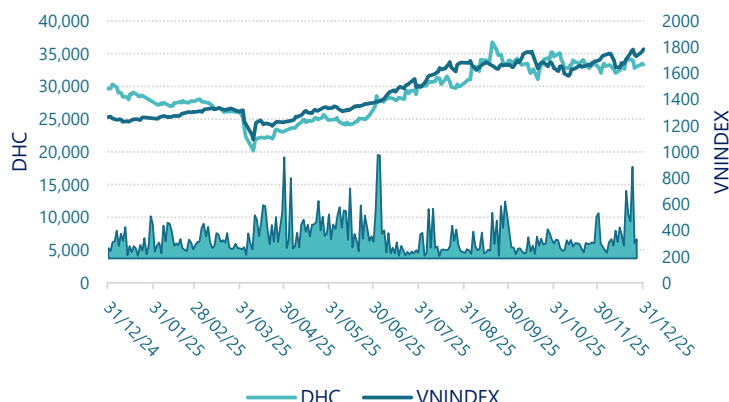


CTCP Đông Hải Bến Tre (HSX: DHC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	33,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,769
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,157
SL cổ phiếu LH	96,591,206
KLGD BQ 20 phiên (CP)	225,780
% sở hữu nước ngoài	35.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,221
P/E	8.2
EPS	4,069

DT thuần

Q4/25

992

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 60.0 | 6.4%

YoY: ▲ 119 | 13.6%

LN sau thuế

Q4/25

135

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 35.4 | 35.3%

YoY: ▲ 86.0 | 175%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

13.5%

+/- YoY: ▲ 5.1%

DT thuần

2025

3,631

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 34.0 | 1.0%

LN sau thuế

2025

393

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 151 | 62.3%

ROE

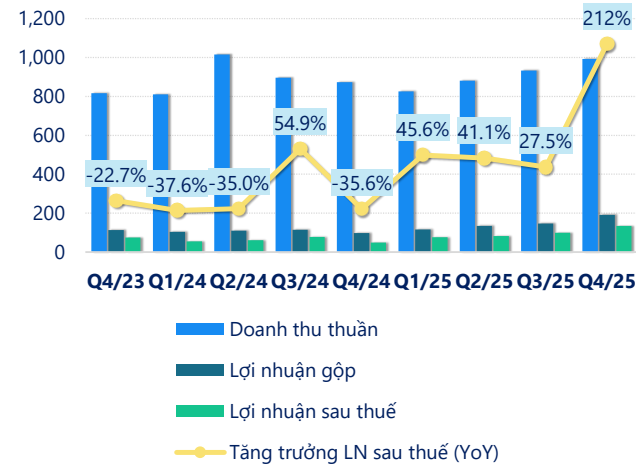
2025

18.7%

+/- YoY: ▲ 6.1%

tỷ VNĐ

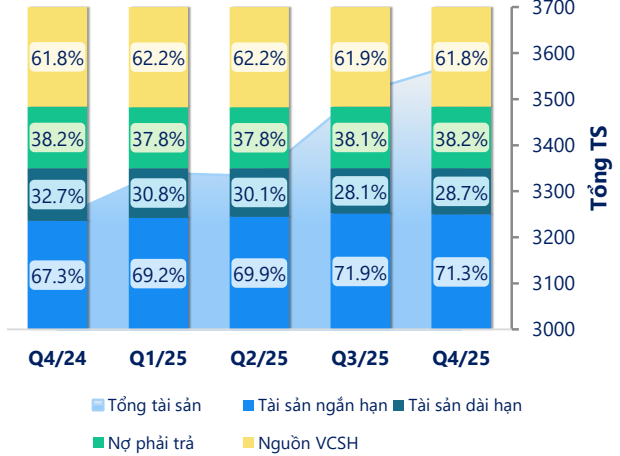
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

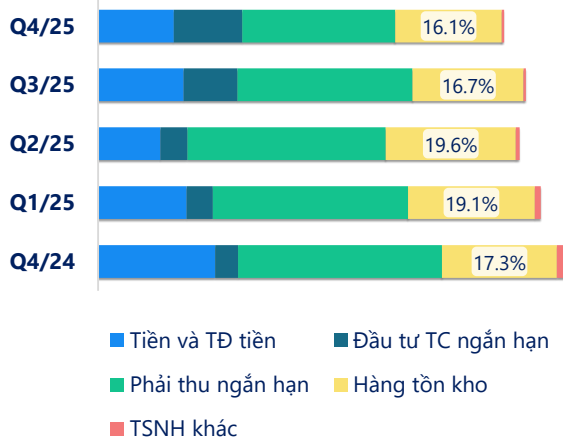
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



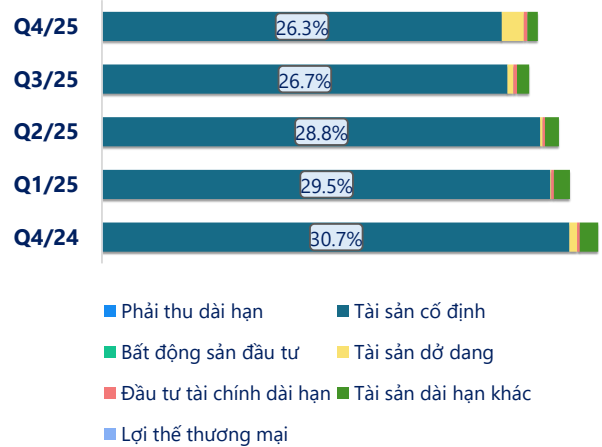
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

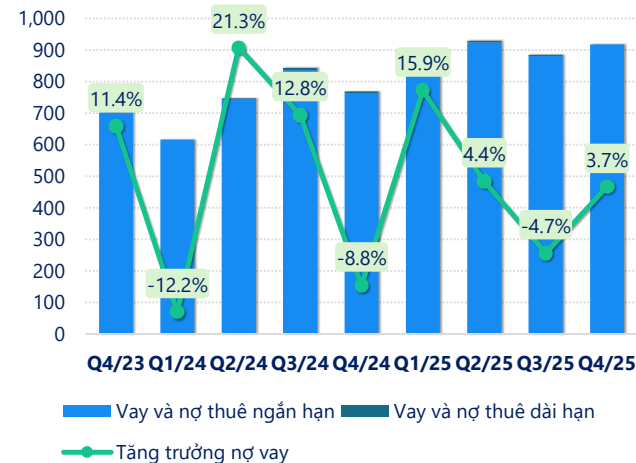
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

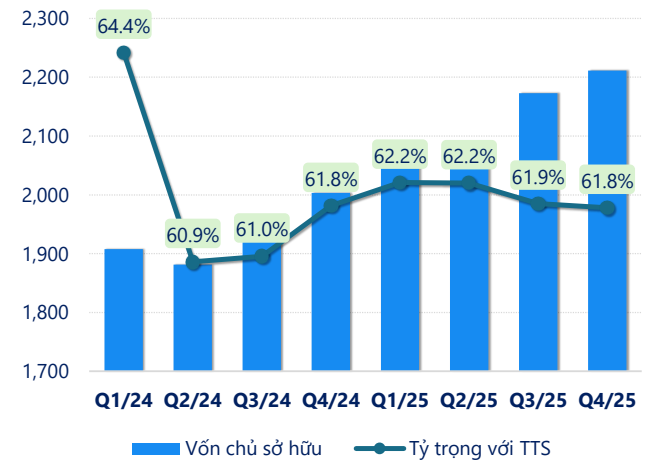
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

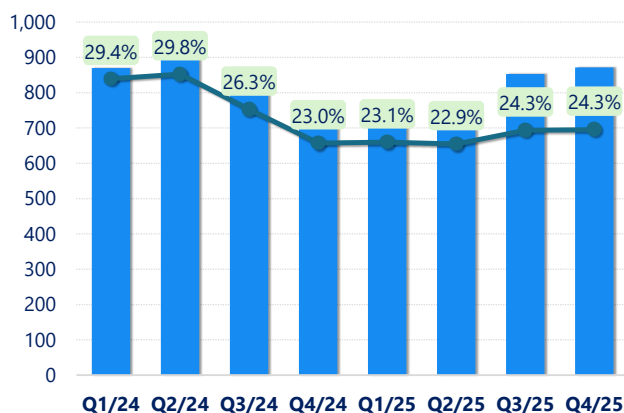
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

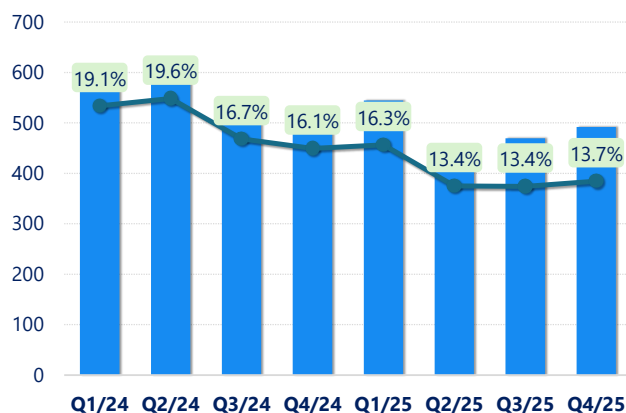
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


Phải thu ngắn hạn Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

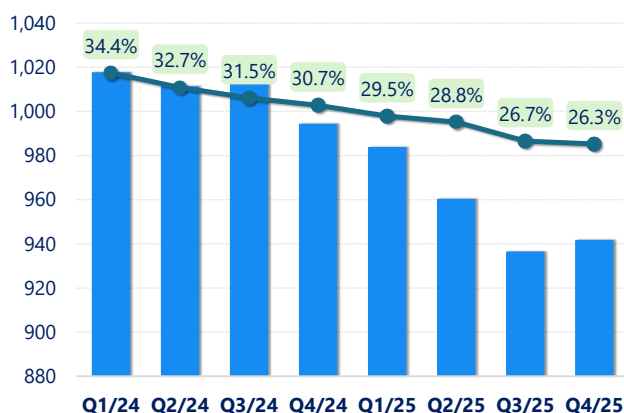
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


Hàng tồn kho Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

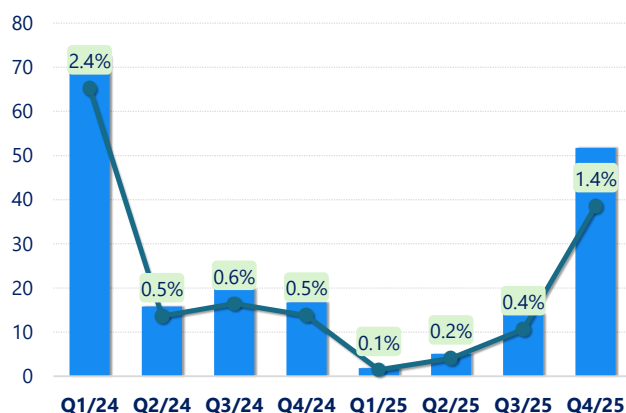
tỷ VNĐ

Tài sản cố định


Tài sản cố định Tỷ trọng với TTS

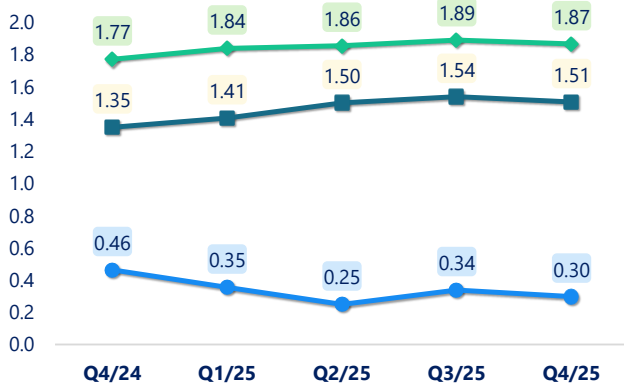
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


Tài sản dở dang Tỷ trọng với TTS

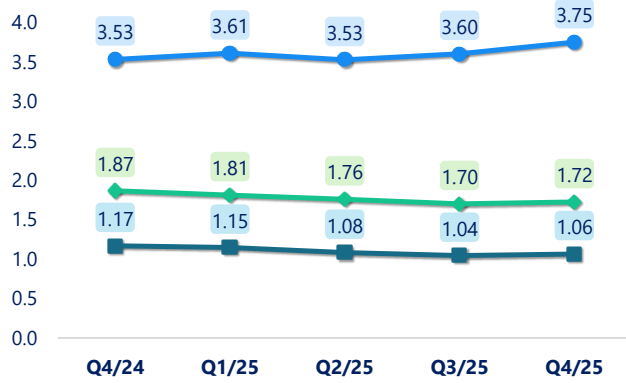
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


Tỷ số thanh toán tiền mặt Tỷ số thanh toán nhanh

Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


Vòng quay TSCĐ Vòng quay Tổng TS

Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	3,240	3,340	3,333	3,513	3,579
Tài sản ngắn hạn	2,182	2,311	2,331	2,525	2,552
Tiền và tương đương tiền	571	445	313	453	408
Đầu tư tài chính ngắn hạn	334	543	800	737	763
Phải thu ngắn hạn	745	771	764	852	871
Hàng tồn kho	520	545	447	469	492
Tài sản ngắn hạn khác	11.6	7.06	7.28	13.7	17.9
Tài sản dài hạn	1,058	1,029	1,003	988	1,027
Phải thu dài hạn	2.57	2.03	1.50	0.96	0.43
Tài sản cố định	994	984	960	937	942
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	16.7	1.84	5.09	14.1	51.8
Đầu tư tài chính dài hạn	5.53	5.84	5.37	8.08	8.14
Tài sản dài hạn khác	39.2	35.0	30.5	28.5	24.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,237	1,262	1,260	1,340	1,368
Nợ ngắn hạn	1,232	1,257	1,256	1,336	1,368
Vay và nợ thuê ngắn hạn	763	885	925	881	918
Phải trả người bán ngắn hạn	403	334	256	361	381
Nợ dài hạn	5.50	5.50	4.50	4.50	0
Vay và nợ thuê dài hạn	5.50	5.50	4.50	4.50	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,003	2,078	2,073	2,173	2,211
Vốn chủ sở hữu	2,003	2,078	2,073	2,173	2,211
Vốn điều lệ	805	805	966	966	966
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)